KHAI THÁC PHẦN MỀM DẠY HỌC TRONG NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC

Mai Thị Ngọc Hân
Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh
Email: ngochan@cdntphcm.edu.vn

Tóm tắt: *Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục đại học, khai thác phần mềm dạy học đang mở ra những phương thức mới trong tổ chức và hỗ trợ quá trình học tập của sinh viên. Bài viết làm rõ vai trò của phần mềm dạy học đối với phát triển năng lực tự học và nâng cao kết quả học tập; tập trung vào khả năng hỗ trợ tiếp cận học liệu, tổ chức hoạt động học tập, tương tác, kiểm tra, phản hồi và tự điều chỉnh. Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất một số giải pháp khai thác phần mềm phù hợp với mục tiêu đào tạo, góp phần nâng cao tính chủ động và hiệu quả học tập của sinh viên.*

Từ khóa*: Phần mềm dạy học; năng lực tự học; kết quả học tập; sinh viên đại học; chuyển đổi số trong giáo dục.*

LEVERAGING EDUCATIONAL SOFTWARE TO ENHANCE SELF-STUDY SKILLS AND ACADEMIC PERFORMANCE OF UNIVERSITY STUDENTS

Abstract: *Amidst the digital transformation of higher education, the use of educational software is opening up new approaches to organizing and supporting the student learning process. This article clarifies the role of educational software in developing self-study skills and improving academic performance, focusing on its capacity to facilitate access to learning materials, organize learning activities, and enable interaction, assessment, feedback, and self-regulation. Based on theoretical and practical analysis, the article proposes solutions for utilizing software in alignment with educational objectives, thereby contributing to enhanced student proactivity and learning effectiveness.*

Keywords: *Educational software; self-study skills; academic performance; university students; digital transformation in education.*

Nhận bài: 18/08/2026 Phản biện: 18/09/2026 Duyệt đăng: 21/09/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyển đổi số đang làm thay đổi phương thức tổ chức dạy học ở giáo dục đại học, đồng thời đặt ra yêu cầu phát huy năng lực tự học của sinh viên. Phần mềm dạy học với khả năng cung cấp học liệu, tổ chức tương tác, giao nhiệm vụ, kiểm tra và phản hồi có thể hỗ trợ sinh viên chủ động và tự điều chỉnh quá trình học tập. Tuy nhiên, hiệu quả khai thác phần mềm phụ thuộc vào mục tiêu, nội dung và cách tổ chức dạy học. Vì vậy, bài viết tập trung làm rõ vai trò của phần mềm dạy học đối với năng lực tự học và kết quả học tập của sinh viên, từ đó đề xuất các giải pháp khai thác phù hợp.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận về khai thác phần mềm dạy học trong nâng cao năng lực tự học và kết quả học tập của sinh viên đại học

2.1.1. Khái niệm, đặc điểm và chức năng của phần mềm dạy học trong giáo dục đại học

Phần mềm dạy học có thể được hiểu là các chương trình và nền tảng công nghệ được thiết kế hoặc sử dụng nhằm hỗ trợ trực tiếp cho quá trình tổ chức dạy học, từ cung cấp học liệu, giao nhiệm vụ, tương tác, luyện tập đến kiểm tra, đánh giá và phản hồi. Trong giáo dục đại học, phần mềm dạy học không chỉ là phương tiện truyền tải nội dung mà còn góp phần hình thành môi trường học tập linh hoạt, cho phép sinh viên tiếp cận tài nguyên, thực hiện nhiệm vụ và theo dõi quá trình học tập theo những cách khác nhau. Các hệ thống quản lý học tập hiện nay có thể hỗ trợ đồng thời hoạt động cá nhân, tương tác giữa giảng viên và sinh viên, trao đổi giữa sinh viên với nhau và tổ chức đánh giá trực tuyến.

Một đặc điểm quan trọng của phần mềm dạy học là khả năng mở rộng không gian và thời gian học tập. Sinh viên không chỉ học trong thời gian lên lớp mà còn có thể tiếp tục truy cập học liệu, hoàn thành nhiệm vụ, trao đổi và nhận phản hồi ngoài giờ học. Bên cạnh đó, dữ liệu về quá trình sử dụng phần mềm có thể cung cấp thông tin về mức độ tham gia, tiến độ và hành vi học tập, tạo điều kiện để giảng viên theo dõi và hỗ trợ người học phù hợp hơn. Tuy nhiên, hiệu quả của phần mềm không tự động xuất hiện từ việc đưa công nghệ vào lớp học mà phụ thuộc đáng kể vào cách thiết kế hoạt động học tập và mức độ phù hợp giữa công cụ với mục tiêu giáo dục. Nghiên cứu về hệ thống quản lý học tập cũng cho thấy việc có sẵn công cụ không đồng nghĩa với việc sinh viên sẽ khai thác chúng hiệu quả cho tự học; mức độ sử dụng còn phụ thuộc vào động cơ, khả năng tự điều chỉnh và hướng dẫn của giảng viên.

Về chức năng, phần mềm dạy học trong giáo dục đại học có thể tập trung vào các nhóm chính: cung cấp và quản lý học liệu; tổ chức giao tiếp và tương tác; giao và thu nhận nhiệm vụ học tập; hỗ trợ luyện tập; kiểm tra, đánh giá; cung cấp phản hồi; theo dõi tiến độ và hỗ trợ người học tự điều chỉnh. Do đó, giá trị của phần mềm cần được xem xét không chỉ ở số lượng công cụ được sử dụng mà ở khả năng tạo ra những hoạt động học tập có mục đích, có phản hồi và có cơ hội tự điều chỉnh.

2.1.2. Khái niệm, cấu trúc và biểu hiện của năng lực tự học của sinh viên đại học

Năng lực tự học là khả năng người học chủ động xác định mục tiêu, lập kế hoạch, lựa chọn nguồn học liệu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, theo dõi tiến độ, tự đánh giá và điều chỉnh quá trình học tập nhằm đạt mục tiêu đề ra. Trong môi trường đại học, năng lực này càng có ý nghĩa khi sinh viên phải chủ động phân bổ thời gian, lựa chọn phương thức học tập và chịu trách nhiệm lớn hơn đối với kết quả của mình. Các nghiên cứu về học tập tự điều chỉnh cho thấy người học thành công thường có khả năng lập kế hoạch, theo dõi quá trình thực hiện, điều chỉnh chiến lược và phản hồi đối với chính hoạt động học tập của mình.

Năng lực tự học của sinh viên có thể được xem xét qua các thành tố cơ bản gồm: xác định mục tiêu học tập; lập kế hoạch và quản lý thời gian; lựa chọn, khai thác và đánh giá thông tin; thực hiện nhiệm vụ học tập; tự kiểm tra và đánh giá kết quả; điều chỉnh chiến lược học tập. Trong môi trường số, những thành tố này còn gắn với khả năng lựa chọn học liệu phù hợp, duy trì sự tập trung, sử dụng công cụ số đúng mục đích và đánh giá độ tin cậy của thông tin. Một nghiên cứu về sinh viên sử dụng nền tảng học tập trực tuyến tại Việt Nam cũng cho thấy sự khác biệt về chiến lược tự điều chỉnh giữa những nhóm người học có mức độ tự điều chỉnh cao và thấp, đồng thời động cơ và mục tiêu học tập có ảnh hưởng đến cách thức sinh viên tham gia và sử dụng môi trường học tập số.

Như vậy, năng lực tự học không đơn thuần là khả năng học một mình mà là khả năng chủ động quản lý toàn bộ quá trình học tập. Đây cũng là cơ sở để xem xét phần mềm dạy học như một công cụ hỗ trợ hình thành và phát triển năng lực này, thay vì chỉ coi phần mềm là phương tiện cung cấp nội dung.

2.1.3. Kết quả học tập của sinh viên và mối quan hệ với năng lực tự học

Kết quả học tập phản ánh mức độ người học đạt được mục tiêu và yêu cầu của học phần hoặc chương trình đào tạo. Trong giáo dục đại học, kết quả học tập có thể được thể hiện thông qua kết quả kiểm tra, điểm học phần, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng và mức độ đạt chuẩn đầu ra. Vì vậy, kết quả học tập cần được xem xét không chỉ qua điểm số mà còn qua mức độ thực hiện được các yêu cầu học tập đặt ra.

Năng lực tự học có mối liên hệ chặt chẽ với kết quả học tập bởi quá trình tự học quyết định một phần đáng kể cách sinh viên tiếp nhận, xử lý, củng cố và vận dụng tri thức. Nghiên cứu trên sinh viên đại học cho thấy các chiến lược học tập tự điều chỉnh có liên hệ với thành tích học tập; đặc biệt, khả năng quản lý nhận thức, hành vi và nguồn lực học tập là những yếu tố quan trọng trong môi trường học tập trực tuyến. Một nghiên cứu khác về đào tạo số cho sinh viên bậc đại học cho thấy kiến thức và kỹ năng liên quan đến tự điều chỉnh trong quá trình học tập số có thể dự báo một số kết quả kiểm tra môn học, cho thấy vai trò của việc hình thành các chiến lược học tập có định hướng.

Tuy nhiên, không nên xem năng lực tự học là yếu tố duy nhất quyết định kết quả học tập. Kết quả còn chịu ảnh hưởng của chất lượng giảng dạy, nội dung chương trình, mức độ phù hợp của nhiệm vụ học tập, động cơ học tập, điều kiện công nghệ và đặc điểm cá nhân của sinh viên. Vì vậy, phần mềm dạy học chỉ có thể phát huy giá trị khi được đặt trong một quá trình dạy học được thiết kế phù hợp.

2.1.4. Mối quan hệ giữa khai thác phần mềm dạy học, năng lực tự học và kết quả học tập của sinh viên

Mối quan hệ giữa ba yếu tố có thể được tiếp cận theo chuỗi tác động: khai thác phần mềm dạy học tạo điều kiện cho hoạt động tự học; hoạt động tự học được tổ chức và điều chỉnh tốt góp phần cải thiện kết quả học tập. Phần mềm trước hết mở rộng khả năng tiếp cận học liệu, cho phép sinh viên học tập linh hoạt, thực hiện nhiệm vụ theo tiến độ và nhận phản hồi. Các chức năng tương tác, kiểm tra và theo dõi tiến độ tiếp tục hỗ trợ sinh viên nhận biết mức độ hoàn thành, từ đó điều chỉnh cách học. Nghiên cứu về hệ thống quản lý học tập tích hợp các hoạt động tự điều chỉnh cho thấy việc giao nhiệm vụ trước giờ học có thể hỗ trợ lập kế hoạch, đánh giá thường xuyên giúp người học theo dõi tiến độ, còn các công cụ ghi nhận và phản ánh quá trình học tập tạo điều kiện cho tự đánh giá.

Bằng chứng gần đây cũng cho thấy việc tích hợp các chiến lược tự điều chỉnh trực tiếp vào nền tảng học tập số có thể tạo ra kết quả tích cực đối với hành vi tự điều chỉnh, động lực và một số chỉ báo về thành tích học tập; tuy nhiên, mức độ tác động phụ thuộc vào thiết kế sư phạm và cách sinh viên sử dụng hệ thống. Vì vậy, không nên đồng nhất "sử dụng phần mềm" với "nâng cao kết quả học tập". Giá trị giáo dục của phần mềm nằm ở khả năng tạo ra những điều kiện thuận lợi để sinh viên thực hiện tốt các hoạt động nhận thức và tự điều chỉnh.

Từ đó, có thể xác lập mối quan hệ khái niệm: khai thác phần mềm dạy học - tăng khả năng tiếp cận, tương tác, luyện tập, phản hồi và theo dõi quá trình học tập - phát triển năng lực tự học - góp phần nâng cao kết quả học tập. Trong chuỗi này, năng lực tự học có thể được xem là một cơ chế trung gian giúp chuyển hóa các khả năng công nghệ thành kết quả giáo dục. Cách tiếp cận này nhấn mạnh yêu cầu sử dụng phần mềm theo mục tiêu và phương pháp sư phạm, trong đó công nghệ giữ vai trò hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động nhận thức của sinh viên, chứ không thay thế quá trình tự học và tư duy của người học.

2.2. Giải pháp khai thác phần mềm dạy học trong nâng cao năng lực tự học và kết quả học tập của sinh viên đại học

2.2.1. Lựa chọn và khai thác phần mềm dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung đào tạo

Việc lựa chọn phần mềm cần xuất phát từ mục tiêu, nội dung và yêu cầu cần đạt của từng học phần, thay vì chạy theo số lượng hoặc tính mới của công nghệ. Giảng viên cần xác định rõ phần mềm được sử dụng để hỗ trợ khâu nào của quá trình học tập như cung cấp học liệu, giao nhiệm vụ, tổ chức tương tác, luyện tập, kiểm tra hay phản hồi. Trên cơ sở đó, lựa chọn công cụ phù hợp với đặc điểm môn học, trình độ của sinh viên và điều kiện tổ chức dạy học. Đồng thời, cần ưu tiên những phần mềm có giao diện thuận tiện, khả năng truy cập ổn định và hỗ trợ theo dõi quá trình học tập. Việc khai thác đúng chức năng, đúng mục tiêu sẽ giúp phần mềm trở thành công cụ sư phạm thực chất, thay vì chỉ là phương tiện hỗ trợ trình chiếu hoặc truyền tải nội dung.

2.2.2. Thiết kế hoạt động học tập trên phần mềm theo hướng phát huy tính chủ động và tự điều chỉnh của sinh viên

Phần mềm chỉ thực sự góp phần phát triển năng lực tự học khi được gắn với những nhiệm vụ học tập có mục tiêu và lộ trình rõ ràng. Giảng viên cần thiết kế các nhiệm vụ theo từng giai đoạn, tạo điều kiện để sinh viên tự tìm kiếm, xử lý, vận dụng và mở rộng kiến thức. Bên cạnh yêu cầu hoàn thành nhiệm vụ, cần hướng dẫn sinh viên xác định mục tiêu, lập kế hoạch, quản lý thời gian và theo dõi tiến độ học tập. Các hoạt động tự kiểm tra, tự đánh giá và điều chỉnh phương pháp học tập cũng cần được tích hợp thường xuyên. Cách tổ chức này giúp sinh viên chuyển từ trạng thái tiếp nhận nội dung sang chủ động quản lý quá trình học tập, qua đó phát huy vai trò của phần mềm trong phát triển năng lực tự học.

2.2.3. Tăng cường kiểm tra, đánh giá và phản hồi thông qua phần mềm dạy học

Kiểm tra và phản hồi kịp thời là điều kiện quan trọng để sinh viên nhận biết mức độ đạt mục tiêu và điều chỉnh cách học. Vì vậy, giảng viên cần khai thác phần mềm để xây dựng các bài tập, câu hỏi, bài kiểm tra và hoạt động đánh giá phù hợp với yêu cầu của học phần. Kết quả cần được phản hồi theo hướng cụ thể, chỉ ra mức độ đạt được và những nội dung cần cải thiện, thay vì chỉ cung cấp điểm số. Đồng thời, có thể kết hợp đánh giá của giảng viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng để tăng tính chủ động của sinh viên. Dữ liệu từ quá trình kiểm tra, làm bài và tương tác trên phần mềm cũng cần được sử dụng để điều chỉnh nội dung, nhiệm vụ và phương thức tổ chức dạy học cho phù hợp.

2.2.4. Phát triển năng lực sử dụng công nghệ phục vụ dạy và học cho giảng viên và sinh viên

Hiệu quả của phần mềm phụ thuộc đáng kể vào năng lực sử dụng của cả giảng viên và sinh viên. Đối với giảng viên, cần tăng cường năng lực lựa chọn công cụ, thiết kế học liệu và tổ chức hoạt động dạy học trên môi trường số. Đối với sinh viên, cần được hướng dẫn cách khai thác học liệu, sử dụng công cụ, quản lý thời gian, xử lý thông tin và đánh giá độ tin cậy của nguồn tài liệu. Việc sử dụng phần mềm cũng cần gắn với ý thức tự giác và trách nhiệm học tập, hạn chế tình trạng phụ thuộc vào công nghệ hoặc sử dụng phần mềm một cách hình thức. Khi năng lực công nghệ được phát triển đồng thời với năng lực học tập, phần mềm mới có thể hỗ trợ hiệu quả quá trình tự học.

2.2.5. Kết hợp phần mềm dạy học với các phương pháp dạy học tích cực nhằm nâng cao hiệu quả học tập

Phần mềm dạy học cần được đặt trong một chiến lược dạy học tổng thể, kết hợp với các phương pháp như dạy học dựa trên vấn đề, dạy học dự án, thảo luận và học tập hợp tác. Giảng viên có thể sử dụng phần mềm để giao nhiệm vụ trước giờ học, tổ chức trao đổi trong quá trình học tập và kiểm tra, phản hồi sau giờ học, qua đó hình thành chu trình học tập liên tục. Những nhiệm vụ yêu cầu sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề, hợp tác và vận dụng kiến thức vào thực tiễn sẽ phát huy tốt hơn khả năng của công nghệ. Qua đó, phần mềm không chỉ hỗ trợ truyền đạt kiến thức mà trở thành phương tiện tổ chức hoạt động nhận thức, thúc đẩy tính chủ động và góp phần nâng cao kết quả học tập của sinh viên.

III. KẾT LUẬN

Khai thác phần mềm dạy học phù hợp có thể tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên tiếp cận học liệu, tổ chức, theo dõi và tự điều chỉnh quá trình học tập, qua đó góp phần phát triển năng lực tự học và nâng cao kết quả học tập. Tuy nhiên, hiệu quả không phụ thuộc vào bản thân công nghệ mà chịu ảnh hưởng bởi mục tiêu đào tạo, cách thiết kế hoạt động học tập, năng lực của giảng viên và sinh viên, cũng như cơ chế kiểm tra và phản hồi. Vì vậy, cần chuyển từ sử dụng phần mềm đơn thuần sang khai thác có định hướng sư phạm, gắn với chuẩn đầu ra và các phương pháp dạy học tích cực. Đây là cơ sở để phát huy giá trị của công nghệ trong đổi mới dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thủ tướng Chính phủ. (2022, 25 tháng 1). Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030". Hà Nội: Văn phòng Chính phủ.

Đào Việt Hùng, Nguyễn Mậu Đức, & Lê Hoàng Minh. (2024). Xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của sinh viên. TNU Journal of Science and Technology, 229(12), 51–57. DOI: 10.34238/tnu-jst.10036.

Nguyễn Hữu Hoàng. (2024). Ảnh hưởng của việc sử dụng công cụ công nghệ giáo dục trong việc nâng cao khả năng nói tiếng Anh của sinh viên tại một trường đại học ở Việt Nam. TNU Journal of Science and Technology, 229(12), 3–10.

Lê Minh Triết, Lương Trần Hy Hiến, & Trần Sơn Hải. (2023). Phát triển giải pháp ứng dụng công nghệ phần mềm trong dạy học học phần Phát triển ứng dụng Web để nâng cao hứng thú học tập của sinh viên. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 20(11), 1967–1979. DOI: 10.54607/hcmue.js.20.11.3682.

Nguyễn Đắc Thanh, & Lý Thuận An. (2022). Thực trạng học tập Blended Learning của sinh viên Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 19(6), 962–972. DOI: 10.54607/hcmue.js.19.6.3482.

Đặng Thu Hương, Trần Hải Yến, & Đào Ngọc Linh. (2022). Nâng cao chất lượng học tập trực tuyến tại các trường đại học ở Hà Nội – thực trạng và giải pháp. Tạp chí Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, 12(1), 135–144. DOI: 10.47393/jshe.v12i1.1072.